

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4555** /BYT- BM -TE
V/v đăng dự thảo Thông tư Hướng
dẫn quy định Cấp Giấy chứng
sinh.

Hà Nội, ngày **07** tháng **8** năm 2019

Kính gửi: Công thông tin điện tử - Văn phòng Chính phủ

Để thực hiện Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024, trong thời gian qua, Bộ Y tế đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành xây dựng dự thảo Thông tư Hướng dẫn quy định Cấp Giấy chứng sinh. Đến nay, dự thảo Thông tư đã tương đối hoàn chỉnh.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật, Bộ Y tế xin gửi dự thảo Thông tư Hướng dẫn quy định Cấp Giấy chứng sinh tới trang thông tin điện tử của Chính phủ để xin ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân quan tâm.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu VT; BMTE

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiên

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quy định Cấp Giấy chứng sinh

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Điều 5 của Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH 13 ngày 20/11/2014;

Thực hiện Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn quy định cấp giấy chứng sinh như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thẩm quyền và thủ tục cấp mới, cấp lại Giấy chứng sinh; in và cung cấp mẫu Giấy chứng sinh; cách ghi Giấy chứng sinh và báo cáo thống kê số liệu cấp Giấy chứng sinh.

Điều 2. Thẩm quyền và thủ tục cấp mới Giấy chứng sinh

1. Thẩm quyền cấp mới Giấy chứng sinh

a) Bệnh viện đa khoa có khoa sản; Bệnh viện chuyên khoa phụ sản, Bệnh viện sản - nhi;

b) Nhà hộ sinh;

c) Trạm y tế cấp xã;

d) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hợp pháp khác được phép cung cấp dịch vụ đỡ đẻ, kể cả đơn vị y tế bộ, ngành.

2. Hồ sơ cấp mới Giấy chứng sinh

a) Cấp giấy chứng sinh lần đầu đối với trường hợp trẻ sinh ra tại cơ sở y tế:

Trước khi ra viện, người mẹ phải xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu hoặc giấy tờ

khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (*gọi là giấy tờ tùy thân*) để chứng minh về nhân thân.

Đối với trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo:

+ Khi đến sinh con tại cơ sở y tế, Bên vợ chồng nhờ mang thai hộ hoặc Bên mang thai hộ phải nộp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 1) Bản chính Bản xác nhận về việc sinh con bằng kỹ thuật mang thai hộ theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này; 2) Bản sao có chứng thực Bản thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giữa vợ chồng Bên nhờ mang thai hộ và Bên mang thai hộ (*mang theo bản chính để đối chiếu*).

+ Trước khi ra viện, người mẹ Bên nhờ mang thai hộ và Bên mang thai hộ đều phải xuất trình bản chính Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân để chứng minh về nhân thân.

b) Cấp giấy chứng sinh lần đầu đối với trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà có cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân để chứng minh về nhân thân của người mẹ. Xuất trình bản chính để đối chiếu và khi đến nhận kết quả.

+ Xuất trình bản chính Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân để chứng minh về nhân thân của người đề nghị cấp giấy chứng sinh.

3. Thủ tục cấp mới Giấy chứng sinh

a) Đối với trường hợp trẻ sinh ra tại cơ sở y tế:

Gia đình của trẻ nộp các giấy tờ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Trước khi trẻ sơ sinh về nhà, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra các hồ sơ theo quy định, đối chiếu thông tin và ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu Giấy chứng sinh tại Phụ lục 01A ban hành kèm theo Thông tư này. Cha, mẹ hoặc người thân của trẻ có trách nhiệm đọc, kiểm tra kỹ thông tin trước khi ký.

Giấy chứng sinh được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho bố, mẹ hoặc người thân thích của trẻ để làm thủ tục khai sinh và 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Đối với trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo sẽ được cấp Giấy chứng sinh theo mẫu qui định tại Phụ lục 01B

ban hành kèm theo Thông tư này. Cha, mẹ của trẻ (*Bên nhờ mang thai hộ*) có trách nhiệm đọc, kiểm tra kỹ thông tin trước khi ký.

Giấy chứng sinh qui định tại Phụ lục 01B là văn bản chứng minh việc mang thai hộ khi làm thủ tục đăng ký khai sinh. Giấy chứng sinh được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho bố, mẹ của trẻ (*Bên nhờ mang thai hộ*) để làm thủ tục khai sinh và 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

b) Đối với trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà có cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ:

Trong thời gian 30 ngày sau sinh, Cha, Mẹ hoặc Người nuôi dưỡng của trẻ nộp cho trạm y tế xã/ phường/thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tại nơi bà mẹ tạm trú ít nhất 03 tháng trước ngày sinh hồ sơ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin cấp Giấy chứng sinh theo qui định, trạm y tế xã/ phường/thị trấn có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ theo quy định, đối chiếu thông tin, xác minh việc sinh và làm thủ tục cấp Giấy chứng sinh cho trẻ.

Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không được quá 10 ngày làm việc.

Việc cấp Giấy chứng sinh thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền và thủ tục cấp lại Giấy chứng sinh

1. Thẩm quyền cấp lại Giấy chứng sinh

Các cơ sở y tế đã cấp giấy chứng sinh lần đầu cho trẻ. Bao gồm:

- Bệnh viện đa khoa có khoa sản; Bệnh viện chuyên khoa phụ sản, Bệnh viện sản - nhi;

- Nhà hộ sinh;

- Trạm y tế xã/phường;

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hợp pháp khác được phép cung cấp dịch vụ đỡ đẻ, kể cả đơn vị y tế Bộ, Ngành.

2. Điều kiện cấp lại Giấy chứng sinh

+ Thời hạn xin cấp lại Giấy chứng sinh thực hiện theo quy định về thời gian lưu hồ sơ bệnh án;

+ Trẻ sinh ra mà chưa đi đăng ký khai sinh, thì Cha, Mẹ hoặc Người nuôi dưỡng của trẻ có đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng sinh được cấp nhưng có nhầm lẫn, sai sót về thông tin ghi trên giấy chứng sinh;

b) Giấy chứng sinh được cấp nhưng bị mất, bị rách, bị hỏng.

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng sinh

a) *Đối với trường hợp Giấy chứng sinh bị nhầm lẫn, sai sót:*

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Giấy chứng sinh gốc đã được cấp lần đầu.

+ Giấy tờ chứng minh sự nhầm lẫn, sai sót.

đối với trường hợp nhầm lẫn, sai sót về họ, tên người mẹ; họ, tên người vợ bên nhờ mang thai hộ thì nộp bản chính xác nhận của Công an xã/phường/thị trấn và nộp bản phô tô công chứng Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân của người bị nhầm lẫn, sai sót (xuất trình bản chính để đối chiếu);

đối với các nhầm lẫn, sai sót khác của người mẹ/người vợ bên nhờ mang thai hộ/ người chồng bên nhờ mang thai hộ thì nộp bản phô tô công chứng Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân của người bị nhầm lẫn, sai sót (xuất trình bản chính để đối chiếu).

+ Xuất trình bản chính Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân để chứng minh về nhân thân của người đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh.

b) *Đối với trường hợp Giấy chứng sinh bị mất, rách, hỏng:*

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bản xác nhận về việc sinh con bằng kỹ thuật mang thai hộ theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bản sao có chứng thực Bản thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giữa vợ chồng Bên nhờ mang thai hộ và Bên mang thai hộ (*mang theo bản chính để đối chiếu*).

+ Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân để chứng minh nhân thân của người mẹ. Xuất trình bản chính để đối chiếu và khi đến nhận kết quả.

+ Xuất trình bản chính Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân để chứng minh nhân thân của người đề nghị cấp lại giấy chứng sinh.

4. Thủ tục cấp lại Giấy chứng sinh

Cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ nộp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp Giấy chứng sinh lần đầu cho trẻ các hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 (đối với trường hợp xin cấp lại Giấy chứng sinh do nhầm lẫn, sai sót); hoặc Điểm b Khoản 3 (đối với trường hợp xin cấp lại Giấy chứng sinh do bị mất, rách, hỏng) Điều này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng sinh có nhầm lẫn để hủy, đơn xin cấp lại Giấy chứng sinh, giấy tờ chứng minh sự nhầm lẫn, sai sót và các hồ sơ liên quan được lưu cùng với bản lưu cũ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Giấy chứng sinh được cấp lại phải ghi rõ số, quyển số của Giấy chứng sinh cũ và đóng dấu “Cấp lại”.

Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không quá 10 ngày làm việc.

Điều 4. In và cung cấp mẫu Giấy chứng sinh

1. Giấy chứng sinh được in sẵn và đóng thành sổ. Kích thước của Sổ Giấy chứng sinh là khổ giấy A4 (210 x 297 mm). Mỗi trang trong sổ được chia thành 02 phần có nội dung giống nhau để ghi các thông tin liên quan đến trẻ sinh ra sống. Trong trường hợp những cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang sử dụng phần mềm quản lý thì không nhất thiết đóng thành sổ, nhưng phải bảo đảm in và cấp Giấy chứng sinh cho trẻ đúng mẫu quy định tại Thông tư này.

2. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm lập kế hoạch in và cung cấp mẫu Giấy chứng sinh miễn phí cho trạm y tế cấp xã. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác tự in ấn để sử dụng.

Điều 5. Cách ghi Giấy chứng sinh

Việc ghi Giấy chứng sinh được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2A và Phụ lục số 2B ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Báo cáo thống kê số liệu cấp Giấy chứng sinh

1. Nội dung báo cáo thống kê số liệu cấp Giấy chứng sinh bao gồm:

- a) Tổng số trẻ sinh ra sống;
- b) Tổng số trẻ sinh ra sống được cấp Giấy chứng sinh;

2. Việc báo cáo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Y tế về việc báo cáo thống kê y tế.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh; Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 sửa đổi bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, Điều 16 Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn về sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Mẫu Giấy chứng sinh được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế để in và sử dụng.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Mẫu giấy chứng sinh đã phát hành trước ngày Thông tư này ban hành được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý khám chữa bệnh; Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số/KHHGĐ; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng y tế ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần giải thích và hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Sức khỏe Bà mẹ -Trẻ em) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Bệnh viện trực thuộc Bộ; Y tế các Bộ, ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, PC, KHTC, BMTE.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Tiến

BỘ Y TẾ

PHỤ LỤC SỐ 01A

SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY CHỨNG SINH-1A

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
BYT/CS-2019

Tỉnh:

Huyện:

Xã/Phường:

Tên cơ sở y tế:

Quyển số:

Năm 20

Cơ sở y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BYT/CS-2019

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên mẹ:

Năm sinh:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Giấy CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:

Dân tộc:

Đã sinh con vào lúc: ...giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Số con trong lần sinh này:.....

Giới tính của con:Cân nặng

Dự định đặt tên con là:

Người đỡ đẻ/Người mổ lấy thai:

Ghi chú:.....

....., ngày tháng năm 20.....

Cha, mẹ,
người nuôi
dưỡng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ
đẻ/MLT
(ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi phiếu
(Ký, ghi rõ chức danh)

Thủ trưởng
cơ sở y tế
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Giấy chứng sinh cấp lần đầu: Số: Quyển số: (nếu cấp lại)
- Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh,
- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng phải đi khai sinh cho trẻ.

Cơ sở y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BYT/CS-2019

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên mẹ:

Năm sinh:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Giấy CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:

Dân tộc:

Đã sinh con vào lúc: ...giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Số con trong lần sinh này:.....

Giới tính của con:Cân nặng

Dự định đặt tên con là:

Người đỡ đẻ/Người mổ lấy thai:

Ghi chú:.....

....., ngày tháng năm 20.....

Cha, mẹ,
người thân
(ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ
đẻ/MLT
(ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi phiếu
(Ký, ghi rõ chức danh)

Thủ trưởng
cơ sở y tế
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Giấy chứng sinh cấp lần đầu: Số: Quyển số: (nếu cấp lại)
- Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh,
- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng phải đi khai sinh cho trẻ.

BỘ Y TẾ

PHỤ LỤC SỐ 01B

SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY CHỨNG SINH-1B

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
BYT/CS-2019

Tỉnh:

Huyện:

Xã/Phường:

Tên cơ sở y tế:

Quyển số:

Năm 20

Cơ sở y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BYT/CS-2019

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

Đã sinh con vào lúc: ...giờ...phút...ngày...tháng...năm...

Tại:

Số lần sinh: Số con hiện sống:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng:

Dự định đặt tên con là:

Người đỡ đẻ/Mổ lấy thai:

Ghi chú:

....., ngày ... tháng năm 20.....

Người nhờ MTH/Người MTH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên và chức danh)

Thủ trưởng CSYT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lưu ý Giấy chứng sinh cấp lần đầu: Số: Quyển số: (nếu cấp lại)

Cơ sở Y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu BYT/CS-2019

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký HK thường trú:

Đã sinh con vào lúc:giờ.....phút.....ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Số lần sinh: Số con hiện sống:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng:

Dự định đặt tên con là:

Người đỡ đẻ/Mổ lấy thai:

Ghi chú:

....., ngày ... tháng năm 20.....

Người nhờ MTH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người MTH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi phiếu
(Ký, ghi rõ chức danh và họ tên)

Thủ trưởng CSYT
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chú thích

Con sinh ra là con của Bên (vợ chồng) nhờ mang thai hộ

Tên con dự định đặt (do Bên nhờ mang thai hộ dự định đặt) có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh, Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha mẹ phải đi khai sinh cho trẻ.

PHỤ LỤC SỐ 2A

Hướng dẫn cách ghi Giấy chứng sinh-mẫu 1A

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019)

1. Họ và tên mẹ : Ghi theo Họ và Tên mẹ trong bản chính Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu (*hoặc Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*) được xuất trình; Ghi bằng chữ in hoa, có dấu. *Ví dụ: HOÀNG THỊ NGÂN*

2. Năm sinh: Ghi năm sinh của mẹ theo năm dương lịch.

3. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa danh 4 cấp: Thôn/bản/ấp/tổ, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố. *Ví dụ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.*

Trường hợp người mẹ đang sống tạm trú tại địa bàn khác với nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì tại mục này phải ghi rõ là tạm trú. *Ví dụ: Tạm trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.*

Trường hợp người nước ngoài có đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam.

Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam nhưng sinh sống ở vùng biên giới sang để ở các cơ sở y tế của Việt Nam thì ghi tên tỉnh và nước nơi họ đang sinh sống.

4. Số chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ghi rõ số CMND hoặc số Thẻ căn cước hoặc số Hộ chiếu của người mẹ.

5. Ngày cấp: Ghi đầy đủ ngày, tháng, năm được cấp CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu của người mẹ.

6. Nơi cấp: Ghi đầy đủ nơi cấp CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu của người mẹ.

7. Dân tộc: Ghi rõ tên dân tộc của người mẹ như: Kinh, Tày, Nùng, Hoa hoặc các dân tộc khác.

8. Đã sinh con vào lúc: Ghi giờ, phút, ngày, tháng, năm mà đưa trẻ sinh ra theo năm dương lịch.

9. Tại: Ghi tại nơi trẻ được sinh ra, cụ thể:

a) Trường hợp trẻ em được sinh ra tại bệnh viện, thì ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em được sinh ra (*Ví dụ: bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Cạn; bệnh viện sản nhi Bắc Ninh*). Trường hợp trẻ em được sinh tại cơ sở y tế khác thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính 3 cấp nơi trẻ em sinh ra (*Ví dụ: Trạm y tế xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*);

b) Trường hợp trẻ em được sinh tại nhà thì ghi tại nhà và địa danh 3 cấp: cấp xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố (*Ví dụ: tại nhà số, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*);

10. Số con trong lần sinh này: Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và cấp Giấy chứng sinh riêng cho từng trẻ.

11. Giới tính của con: Ghi cụ thể trẻ em sinh ra sống là nam hay nữ. Trường hợp dị tật, không rõ là nam hay nữ thì ghi là “không xác định”.

12. Cân nặng: Ghi trọng lượng của trẻ đẻ ra được cân trong giờ đầu sau khi sinh theo đơn vị tính gram. (*Ví dụ: trẻ sinh ra là 3500 gram*). Nếu không được cân thì ghi “không cân”.

13. Dự kiến đặt tên con: Ghi tên dự kiến đặt cho trẻ. Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh.

14. Người đỡ đẻ/Người mổ lấy thai: Ghi rõ chức danh và họ tên người đỡ đẻ hoặc bác sỹ phẫu thuật lấy thai (đối với trường hợp đẻ tại cơ sở y tế). Trong trường hợp đẻ tại nhà có cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ thì ghi cụ thể họ, tên và chức danh của người đỡ. Ví dụ: *Cô đỡ thôn bản đỡ thì ghi Cô đỡ Thào Thị A hoặc Cán bộ y tế thì ghi NHS Giàng Thị A.*

15. Ghi chú:

+ Trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi hoặc vừa sinh con dưới 32 tuần tuổi lại vừa phải phẫu thuật thì trong phần ghi chú phải ghi rõ một trong các nội dung sau "sinh con phải phẫu thuật" hoặc "sinh con dưới 32 tuần tuổi" hoặc "phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi".

+ Ghi chú rõ về tình trạng của trẻ tại thời điểm làm giấy chứng sinh là mạnh khỏe, yếu, dị tật hoặc các biểu hiện khác liên quan đến sức khỏe (nếu có). Nếu có dị tật, ghi cụ thể loại dị tật, kể cả khuyết tật về hình thái của trẻ

16. Ngày, tháng, năm ghi Giấy chứng sinh: Ghi theo ngày, tháng, năm dương lịch.

17. Người ghi phiếu: Ký tên, ghi rõ chức danh và họ tên.

18. Thủ trưởng cơ sở y tế: Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

Trường hợp đẻ tại nhà có cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ, mà trạm y tế cấp Giấy chứng sinh thông qua nhân viên y tế thôn/bản thì trưởng trạm y tế ghi và xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

19. Cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng: Đọc, kiểm tra lại thông tin và ký tên, ghi rõ họ tên, quan hệ với đứa trẻ. Ví dụ: Cha đẻ, Mẹ đẻ, Ông nội, Bà nội ...v.v..

PHỤ LỤC SỐ 2A

Hướng dẫn cách ghi Giấy chứng sinh-mẫu 1B

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019)

Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

1. Họ và tên vợ: Ghi theo Họ và Tên người vợ trong bản chính Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu (*hoặc Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*) được xuất trình; Ghi bằng chữ in hoa, có dấu. *Ví dụ: HOÀNG THỊ HẠNH*

2. Năm sinh: Ghi năm sinh người vợ theo năm dương lịch.

3. Số chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ghi rõ số CMND hoặc số Thẻ căn cước hoặc số Hộ chiếu của người vợ.

4. Dân tộc: Ghi rõ tên dân tộc của người vợ như: Kinh, Tày, Nùng, Hoa hoặc các dân tộc khác. Nếu là người nước ngoài, thì ghi quốc tịch (*ví dụ: Malaysia ...*)

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của vợ: Ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa danh 4 cấp: Thôn/bản/ấp/tổ, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố. *Ví dụ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.*

Trường hợp người vợ đang sống tạm trú tại địa bàn khác với nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì tại mục này phải ghi rõ là tạm trú. *Ví dụ: Tạm trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.*

Trường hợp người nước ngoài có đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam.

Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam nhưng sinh sống ở vùng biên giới sang để ở các cơ sở y tế của Việt Nam thì ghi tên tỉnh và nước nơi họ đang sinh sống.

6. Họ và tên chồng: Ghi theo Họ và Tên chồng trong bản chính Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu (*hoặc Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*) được xuất trình; Ghi bằng chữ in hoa, có dấu. *Ví dụ: ĐINH VĂN TUYẾN*

7. Năm sinh: Ghi năm sinh của chồng theo năm dương lịch.

8. Số chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ghi rõ số CMND hoặc số Thẻ căn cước hoặc số Hộ chiếu của người chồng.

9. Dân tộc: Ghi rõ tên dân tộc của người vợ như: Kinh, Tày, Nùng, Hoa hoặc các dân tộc khác. Nếu là người nước ngoài, thì ghi quốc tịch (*ví dụ: Malaysia ...*)

10. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chồng: Ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa danh 4 cấp: Thôn/bản/ấp/tổ, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố. *Ví dụ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.*

Trường hợp người chồng đang sống tạm trú tại địa bàn khác với nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì tại mục này phải ghi rõ là tạm trú. *Ví dụ: Tạm trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.*

Thông tin của bên mang thai hộ

11. Họ và tên vợ: Ghi theo Họ và Tên người vợ trong bản chính Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu (*hoặc Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ có dán ảnh và thông tin cá nhân*)

nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng) được xuất trình; Ghi bằng chữ in hoa, có dấu. Ví dụ: HOÀNG THỊ HẠNH

12. Năm sinh: Ghi năm sinh người vợ theo năm dương lịch.

13. Số chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ghi rõ số CMND hoặc số Thẻ căn cước hoặc số Hộ chiếu của người vợ.

14. Dân tộc: Ghi rõ tên dân tộc của người vợ như: Kinh, Tày, Nùng, Hoa hoặc các dân tộc khác. Nếu là người nước ngoài, thì ghi quốc tịch (ví dụ: Malaysia)

15. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của vợ: Ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa danh 4 cấp: Thôn/bản/ấp/tổ, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Ví dụ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp người vợ đang sống tạm trú tại địa bàn khác với nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì tại mục này phải ghi rõ là tạm trú. Ví dụ: Tạm trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp người nước ngoài có đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam.

Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam nhưng sinh sống ở vùng biên giới sang để ở các cơ sở y tế của Việt Nam thì ghi tên tỉnh và nước nơi họ đang sinh sống.

16. Họ và tên chồng: Ghi theo Họ và Tên chồng trong bản chính Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu (*hoặc Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*) được xuất trình; Ghi bằng chữ in hoa, có dấu. Ví dụ: DINH VĂN TUYẾN

17. Năm sinh: Ghi năm sinh của chồng theo năm dương lịch.

18. Số chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ghi rõ số CMND hoặc số Thẻ căn cước hoặc số Hộ chiếu của người chồng.

19. Dân tộc: Ghi rõ tên dân tộc của người vợ như: Kinh, Tày, Nùng, Hoa hoặc các dân tộc khác. Nếu là người nước ngoài, thì ghi quốc tịch (ví dụ: Malaysia)

20. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chồng: Ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa danh 4 cấp: Thôn/bản/ấp/tổ, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Ví dụ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp người chồng đang sống tạm trú tại địa bàn khác với nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì tại mục này phải ghi rõ là tạm trú. Ví dụ: Tạm trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

21. Đã sinh con vào lúc: Ghi giờ, phút, ngày, tháng, năm mà đứa trẻ sinh ra theo năm dương lịch.

22. Tại: Ghi tại nơi trẻ được sinh ra, cụ thể ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em được sinh ra (Ví dụ: bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Cạn; bệnh viện sản nhi Bắc Ninh). Trường hợp trẻ em được sinh tại cơ sở y tế khác thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính 3 cấp nơi trẻ em sinh ra (Ví dụ: Trạm y tế xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định);

23. Số lần sinh: ghi số lần sinh của người vợ bên mang thai hộ.

24. Số con hiện sống: ghi số con hiện sống của người vợ bên mang thai hộ.

25. Số con trong lần sinh này: Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và cấp Giấy chứng sinh riêng cho từng trẻ.

26. Giới tính của con: Ghi cụ thể trẻ em sinh ra sống là nam hay nữ. Trường hợp dị tật, không rõ là nam hay nữ thì ghi là “không xác định”.

27. Cân nặng: Ghi trọng lượng của trẻ đẻ ra được cân trong giờ đầu sau khi sinh theo đơn vị tính gram. (Ví dụ: trẻ sinh ra là 3500 gram). Nếu không được cân thì ghi “không cân”.

28. Dự kiến đặt tên con: Ghi tên mà bên vợ, chồng nhờ mang thai dự kiến đặt cho trẻ. Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh.

29. Người đỡ đẻ/Người mổ lấy thai: Ghi rõ chức danh và họ tên người đỡ đẻ hoặc bác sỹ phẫu thuật lấy thai.

30. Ghi chú:

+ Trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi hoặc vừa sinh con dưới 32 tuần tuổi lại vừa phải phẫu thuật thì trong phần ghi chú phải ghi rõ một trong các nội dung sau "sinh con phải phẫu thuật" hoặc "sinh con dưới 32 tuần tuổi" hoặc "phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi".

+ Ghi chú rõ về tình trạng của trẻ tại thời điểm làm giấy chứng sinh là mạnh khỏe, yếu, dị tật hoặc các biểu hiện khác liên quan đến sức khỏe (nếu có). Nếu có dị tật, ghi cụ thể loại dị tật, kể cả khuyết tật về hình thái của trẻ

31. Ngày, tháng, năm ghi Giấy chứng sinh: Ghi theo ngày, tháng, năm dương lịch.

32. Người ghi phiếu: Ký tên, ghi rõ chức danh và họ tên.

33. Thủ trưởng cơ sở y tế: Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

34. Người nhờ mang thai hộ: Vợ hoặc chồng bên nhờ mang thai hộ đọc, kiểm tra lại thông tin và ký, ghi rõ họ tên.

35. Người mang thai hộ: Vợ hoặc chồng bên mang thai hộ đọc, kiểm tra lại thông tin và ký, ghi rõ họ tên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN
VỀ VIỆC SINH CON BẰNG KỸ THUẬT MANG THAI HỘ

Kính gửi:

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ và tên vợ:..... Năm sinh.....
Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:Dân tộc:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Họ và tên chồng:..... Năm sinh.....
Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:Dân tộc:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Giấy đăng ký kết hôn số (nếu có):.....

2. Thông tin của bên mang thai hộ

Họ và tên vợ:..... Năm sinh.....
Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:Dân tộc:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Họ và tên chồng:..... Năm sinh.....
Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:Dân tộc:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Giấy đăng ký kết hôn số (nếu có):.....

Chúng tôi xác nhận đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ thành công tại Bệnh viện:
.....

Vào ngày..... tháng..... năm..... theo Bản Thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đã được chứng thực (công chứng) tại:.....

....., ngày.....tháng..... năm 20...

**NGƯỜI VỢ NHỜ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỒNG NHỜ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI VỢ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỒNG
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng sinh

Kính gửi:

Tôi tên là:Số CMT/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:

Địa chỉ: xin đề nghị
được cấp Giấy chứng sinh theo thông tin như sau:

Họ tên mẹ:.....Năm sinh:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Số CMND/Hộ chiếu:.....

Dân tộc:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm:.....

Tại:.....

Số lần sinh.....Số con hiện sống:.....

Số con trong lần sinh này:.....

Giới tính con:.....cân nặng:.....

Hiện trạng của con:.....

Người đỡ đẻ:.....

Dự định đặt tên con:.....

....., ngày.....tháng..... năm 20...

Ý kiến của tổ trưởng/trưởng thôn/trưởng ấp
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Người làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên và quan hệ với trẻ)

Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng sinh

Kính gửi:

Tôi tên là:Số CMT/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:

Địa chỉ: xin đề nghị được cấp lại

Giấy chứng sinh theo thông tin như sau:

Họ tên mẹ:.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Sinh cháu: ngày:.....tháng:.....năm: 20

Tại:.....

Phương pháp đẻ:

Vợ chồng tự sinh con:

Sinh con nhờ kỹ thuật mang thai hộ:

Tên dự kiến của cháu:

Đã được cơ quan cấp Giấy chứng sinh: ngày tháng.....năm.....

Đề nghị cơ quan cấp lại Giấy chứng sinh cho cháu vì:

1- Mất/thất lạc/ rách nát

2- Nhầm lẫn trong Giấy chứng sinh lần trước (Ghi cụ thể sự nhầm lẫn):

3- Khác Ghi cụ thể :

Ý kiến của tổ trưởng/trưởng thôn/trưởng ấp

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Người làm đơn

(Ký tên, ghi rõ họ tên và quan hệ với trẻ)

Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)